

Đào tạo giáo viên trung học tại miền Nam Việt Nam (1954-1975): Trường hợp Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn

Nguyễn Kim Dung*

Nhận ngày 6 tháng 3 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên là khâu then chốt quyết định sự phát triển giáo dục. Nghiên cứu này, trên cơ sở tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II về giáo dục miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Sài Gòn, sẽ phân tích hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn. Nghiên cứu đánh giá tác động của hoạt động đào tạo giáo viên của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đối với cải cách bậc trung học ở miền Nam Việt Nam thời chính quyền Sài Gòn. Đây là cuộc cải cách giáo dục toàn diện để chuyển đổi nền giáo dục từ mô hình Pháp sang mô hình Hoa Kỳ. Qua đó, nghiên cứu gợi mở một số liên hệ mang tính kinh nghiệm lịch sử đối với hoạt động đào tạo giáo viên nói riêng và công cuộc cải cách giáo dục của Việt Nam hiện nay nói chung.

Từ khóa: Đại học sư phạm, giáo dục miền Nam Việt Nam, đào tạo giáo viên, giáo viên trung học, cải cách giáo dục.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Improving the quality of the teaching staff is a key factor in developing an education. Based on archival materials from the National Archives Center II on education in South Vietnam under the Saigon regime, this study analyzes the teacher training activities for secondary schools at the Faculty of Pedagogy of Saigon. The study also assesses the impact of the teacher training activities of the Faculty of Pedagogy of Saigon on the high education reform in South Vietnam under the Saigon regime. This comprehensive educational reform transformed the education system from the French model to the American model. From the research results, the article suggests some historical experiences for teacher training in particular and the current educational reform in Vietnam in general.

Keywords: Faculty of pedagogy, education in South Vietnam, teacher training, secondary school teachers, education reform.

Subject classification: History

1. Đặt vấn đề

Đội ngũ giáo viên đóng vai trò trung tâm, vừa khởi xướng vừa trực tiếp tiến hành cũng đồng thời là đối tượng của cải cách giáo dục. Chính vì thế, rất cần các nghiên cứu chuyên sâu, cái nhìn đa chiều về đào tạo giáo viên, nhất là tìm kiếm những kinh nghiệm lịch sử, để rút ra nhận thức sâu sắc làm nền tảng lý luận cho công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết phân tích hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn. Hiện nay, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề giáo viên trung học miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Sài Gòn. Tiêu biểu là Ngô Minh Oanh (chủ biên) - Hồ Sỹ Anh - Nguyễn Ngọc Tài - Nguyễn Thị Phú (2018), *Giáo dục phổ thông miền Nam*

* Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nk.dung@vju.ac.vn

(1954-1975); Nguyen Kim Dung - Tran Ngoc Dung (2021), “Training and using 1st and 2nd govermental teacher in Southern Vietnam (1954-1975)”. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo giáo viên trung học được nghiên cứu một cách bao quát cho toàn bộ nền giáo dục, mà chưa có công trình nào chuyên sâu về hệ thống trường đại học sư phạm, cụ thể là hoạt động đào tạo giáo viên tại một trường đại học sư phạm. Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn là đại học sư phạm tiêu biểu của miền Nam Việt Nam thời chính quyền Sài Gòn, thể hiện rõ khuynh hướng giáo dục Pháp và sự chuyển dịch sang khuynh hướng giáo dục Hoa Kỳ, nhưng chưa được nghiên cứu chi tiết. Dựa trên tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II kết hợp kiểm chứng qua phỏng vấn sâu nhân chứng lịch sử là các nhà giáo ở miền Nam thời Việt Nam Cộng hòa và phương pháp thống kê định lượng, bài viết phân tích hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn, làm cơ sở đánh giá vấn đề đào tạo giáo viên trung học ở miền Nam thời kỳ này và gợi mở một số kinh nghiệm cho đào tạo giáo viên trung học của Việt Nam hiện nay.

2. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn

Đại học Sư phạm là nguồn đào tạo chủ yếu giáo viên trung học miền Nam. Hệ thống trường đại học sư phạm được coi là điểm son trong nền giáo dục miền Nam Việt Nam trước năm 1975 nhờ tính lâu đời và chất lượng đào tạo được đánh giá là hàng đầu trong giáo dục đại học. Đại học Sư phạm có cả hai loại hình công lập và tư thục nhằm phục vụ cho cả hệ thống trường trung học công lập và tư thục trên toàn miền Nam. Đó là Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm Cần Thơ, Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức, Đại học Sư phạm Đà Lạt, Phân khoa Sư phạm Đại học Vạn Hạnh. Từ năm 1970, Phân khoa Sư phạm của các trường đại học cộng đồng được thành lập để đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp. Tuy nhiên, nguồn cung giáo viên trung học công lập vẫn chủ yếu từ Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn với những truyền thống của nền sư phạm từ thời Pháp thuộc.

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn nằm tại thủ phủ Sài Gòn, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của miền Nam. Trường có quy mô lớn nhất, tổ chức chặt chẽ và chất lượng đào tạo hàng đầu trong hệ thống trường đại học sư phạm miền Nam Việt Nam trước 1975. Trường chính thức thành lập năm 1958 trực thuộc Viện Đại học Sài Gòn, tiền thân là Trường Đại học Đông Dương thành lập ở Hà Nội năm 1906, tái lập năm 1917. Đây là trường đại học đa ngành theo mô hình Pháp đầu tiên ở Đông Dương. Trong đó, Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, tiền thân của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn, là trường thành viên của Viện Đại học Đông Dương ngay từ khi thành lập, có chức năng đào tạo giáo viên cho nền giáo dục bản xứ. Viện Đại học Sài Gòn được chính quyền quan tâm hàng đầu và không ngừng đầu tư. Năm 1968, ngân sách cấp cho Viện Đại học Sài Gòn chiếm 33,8% ngân sách đại học; năm 1971 tăng lên 50,2%; các năm tiếp theo đều dao động ở mức xấp xỉ 40% ngân sách đại học. Sự quan tâm đầu tư này xứng đáng với vị trí viện đại học không những đào tạo phần lớn thế hệ trí thức miền Nam sau năm 1954 trên tất cả các ngành nghề cơ bản mà còn là biểu tượng kết nối truyền thống đại học từ thời Pháp thuộc có bề dày gần 100 năm (Trần Văn Tấn, 1970). Viện Đại học Sài Gòn là viện đại học quốc gia hoạt động theo cơ chế đa ngành. Do đó, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn tận dụng được tối đa nguồn lực học thuật đa ngành, đa lĩnh vực của Viện. Môi trường học thuật đa ngành tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo đội ngũ giáo viên trung học đảm bảo chất lượng về cả chuyên môn lẫn nghiệp vụ đồng thời phát huy lợi thế liên kết đào tạo với các trường thành viên.

Từ năm 1954, nhiều cơ sở vật chất và nhân lực của Viện Đại học Đông Dương được di chuyển vào Nam. Do đó, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đã kế thừa học liệu, nhân lực và các di sản giáo dục của Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Tư duy quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo của Trường này, cho đến năm 1969 - năm chuyển đổi hệ thống giáo dục, vẫn bị chi phối mạnh mẽ bởi mô hình đại học Pháp. Ảnh hưởng của các giáo sư

Pháp học vẫn chiếm ưu thế. Năm học 1968-1969, Ban Giảng huấn ngành Trung học Đệ nhị cấp Ban Văn chương và Sinh ngữ, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn có 10 giáo sư Pháp, 16 giáo sư Việt Nam xuất thân Pháp học và 5 giáo sư Mỹ. Tất cả các Giáo sư Ban Khoa học đều xuất thân Pháp học. Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn lúc này là GS. Trần Văn Tấn là Tiến sĩ Quốc gia Toán học tại Pháp. Giám đốc Học vụ GS. Lý Công Cần là Tiến sĩ đệ tam cấp Vật lý tại Pháp (Viện Đại học Sài Gòn, 1969: 295-308). Sự ảnh hưởng mô hình đại học Pháp tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn nằm trong bối cảnh chung của Viện Đại học Sài Gòn. Cho đến đầu những năm 70 thế kỷ XX, trong cơ cấu giáo chức Viện Đại học Sài Gòn, tỷ lệ giáo chức được đào tạo từ các trường đại học Pháp vẫn rất lớn. Năm 1967, toàn bộ hệ thống đại học miền Nam chuyển sang dạy tiếng Việt nhưng vẫn có khoảng 600-700 giảng viên tiếp tục chỉ dạy bằng tiếng Pháp (Nguyễn Thụy Phương, 2022: 109), nhiều luận văn của Trường Đại học Khoa học vẫn được viết bằng tiếng Pháp. Tại Trường Đại học Văn khoa (trường này cùng Trường Đại học Khoa học đảm nhận đào tạo chuyên môn cho Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn) niên học 1969-1970, giảng viên được đào tạo tại các trường Pháp và trường dùng tiếng Pháp, chiếm 51,92% (Viện Đại học Sài Gòn, 1970: 393-398). Là sản phẩm của chế độ đào tạo nghiêm khắc, đề cao tính hàn lâm, các giáo sinh tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn luôn được đánh giá rất cao và được các trường trung học trân trọng đón nhận.

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn có hai hệ thường xuyên và cấp tốc. Trường còn đào tạo cao học giáo dục và các ngành huấn luyện đặc biệt đào tạo giáo chức tiểu học, giáo sư phụ trách thư viện, giáo sư dạy các môn công nghệ, doanh thương, thương mại tại các trường trung học tổng hợp. Trường có Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức làm nơi thực hành sư phạm cho giáo sinh và thử nghiệm mô hình giáo dục mới. Tuy nhiên, do tập trung vào chất lượng nên số lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu sinh viên của Viện Đại học Sài Gòn. Niên học 1973-1974, tổng số sinh viên Đại học Sư phạm Sài Gòn là 1.569, chiếm 2,39% tổng số sinh viên Viện Đại học Sài Gòn (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 60, 85, 103, 145, 151).

So với Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn, các trường đại học sư phạm khác đào tạo số lượng giáo viên trung học ít hơn. Do đó, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn cung cấp phần lớn giáo viên trung học không chỉ cho khu vực Đông Nam Bộ mà còn cho toàn miền Nam.

Đầu thập niên 70 thế kỷ XX, một số giáo sư tốt nghiệp hoặc tu nghiệp từ Mỹ trở về làm cho bộ mặt Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn có thêm sinh khí mới. Đó là: Lê Bảo Xuyên (Bà Lê Văn, Anh văn - Huntington Beach), Mai Thanh Tuyết (Hóa học - Houston), Lê Quang Tiêng (Toán - Pasadena), Trần Kim Hạnh (Vận vật - Giáo dục - Texas), Trần Kim Nở (Anh văn - Giáo dục - Dallas), Phạm Văn Quảng (Anh văn - Tâm lý giáo dục - Westminster), Lê Thành Việt (Anh văn - Sacramento), Nguyễn Hữu Phước (Giáo dục - Huntington Beach)... Những nhân tố mới trong đội ngũ giáo viên cùng với sự tăng lên của nhu cầu giáo viên ở các trường trung học tổng hợp thúc đẩy Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn bắt đầu chuyển mình rõ rệt hơn trong sứ mệnh đào tạo giáo viên trung học cho nền giáo dục mới.

3. Hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn

3.1. Nhu cầu đào tạo giáo viên trung học tại miền Nam Việt Nam thời chính quyền Sài Gòn

Giáo dục miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Sài Gòn phát triển trong hoàn cảnh đặc biệt. Về chính trị, nền giáo dục phát triển trong điều kiện đất nước chiến tranh ý thức hệ rất khốc liệt và miền Nam là chiến trường. Xung đột chính trị, quân sự diễn ra thường xuyên, liên tục khắp mọi vùng. Từ nông thôn đến thành thị đều chịu sự tàn phá nặng nề của chiến tranh. Về văn hóa - xã hội, tại miền Nam diễn ra cuộc biến chuyển rất mạnh mẽ giữa nền văn hóa - xã hội thời Pháp thuộc sang nền văn hóa - xã hội chịu ảnh hưởng của Hoa Kỳ; đó còn là

cuộc tiếp xúc và xung đột giữa nền văn hóa truyền thống và nền văn hóa hiện đại kiểu Mỹ trên một vùng đất năng động nhất Việt Nam. Nền giáo dục tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh biến động của lịch sử, một buổi giao thời đầy thử thách.

Trong bối cảnh đó, miền Nam đã định hình được một hệ thống giáo dục đa dạng và hiện đại từ cấp mẫu giáo, tiểu học, trung học đến đại học. Các trường đại học sư phạm có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp, gồm có trung học phổ thông, trung học tổng hợp¹, trung học kỹ thuật, chuyên nghiệp và nông lâm súc, với hai loại hình: công lập và bán công - tư thực. Các giáo viên làm việc cho một trường trung học dưới quyền điều khiển của một hiệu trưởng và dưới sự giám sát của thanh tra trung học, được phân làm hai ban Văn chương và Khoa học. So với tiểu học và đại học, trung học không có sự phát triển nổi bật, nhưng lại duy trì ổn định một bậc học đề cao tính tinh hoa và thực dụng nhờ vào phẩm chất và vai trò trung tâm của đội ngũ nhà giáo.

Trong 20 năm tồn tại nền giáo dục, nhu cầu đào tạo giáo viên trung học của miền Nam rất lớn và thường xuyên. Điều này xuất phát từ sự tăng trưởng nhanh chóng của hệ thống trường trung học, đặc biệt là trung học tư thực. Từ 1955 đến 1975, tỷ lệ tăng trưởng hằng năm của học sinh trung học là 17%; trong khi tỷ lệ tăng trưởng hằng năm của giáo viên trung học là 14% (Nha Trung Tiểu học, 1975). Tình trạng thiếu hụt giáo viên thể hiện trên cả hai phương diện số lượng và chất lượng.

Về số lượng, thiếu giáo viên chủ yếu tập trung ở các trường trung học công lập. Một giáo viên trung học công thường phải đảm nhiệm dạy trung bình khoảng 60 học sinh. Giáo viên ít, học sinh đông khiến trường trung học công lập bị ảnh hưởng chất lượng và hạn chế tuyển sinh (Nha Trung Tiểu học, 1975).

Trong khi đó, trường tư không lâm vào tình cảnh thiếu giáo viên nhờ áp dụng cơ chế tuyển dụng linh hoạt, chỉ cần bằng tú tài 2 có thể dạy trung học đệ nhất cấp và bằng cử nhân có thể dạy trung học đệ nhị cấp mà không cần có chuyên môn sư phạm (Mai Tâm, 1969). Hệ quả là trường tư gần như không kiểm soát được trình độ của giáo viên, nhiều giáo viên phẩm chất yếu kém. Sự gia tăng không ngừng của học sinh trung học tư thực khiến tình trạng này ngày càng phát triển. Do đó, trường tư có nhu cầu rất lớn về đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hạn chế chuyên môn của giáo viên trường tư dẫn đến chênh lệch chất lượng đào tạo rất lớn giữa trường công lập và tư thực (Nguyễn Lưu Viên, 1969). Đây cũng là một nguyên nhân khiến tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học ở miền Nam thời kỳ này rất thấp, chỉ xấp xỉ 20% tổng số thí sinh.

Từ năm 1969, khi hệ thống giáo dục Hoa Kỳ được xác lập, nhu cầu giáo viên trung học càng gia tăng, nhất là giáo viên trung học tổng hợp (Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, 1969). Thực tế đó đặt yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên đáp ứng cả số lượng và chất lượng cho nền trung học trên cả hai địa hạt công lập và tư thực và đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục.

3.2. Tuyển sinh

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn tuyển sinh số lượng rất ít và bảo thủ với yêu cầu của nền giáo dục tinh hoa. Trường tuyển sinh hai ngành: Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhất, Đệ nhị cấp và từ năm học 1972-1973, do tình trạng thiếu giáo viên trung học gia tăng, thêm ngành Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhị cấp Cấp tốc (Bộ Giáo dục, 1973). Ngoài ra, trường còn đảm nhiệm việc huấn luyện giáo sư cho các trường Sư phạm tiểu học, giáo sư ngành Quản thủ thư viện, giáo sư phụ trách các môn học mới tại các trường trung học tổng hợp và giáo sư Hướng dẫn Khái đạo (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 40).

Điều kiện tuyển sinh của trường: Tất cả các thí sinh phải có quốc tịch Việt Nam, có bằng

¹ Loại hình trung học tổng hợp ra đời năm 1965 với 3 trường thí điểm ở Thủ Đức, Huế và Cần Thơ. Triết lý căn bản của trường trung học tổng hợp là hướng học và hướng nghiệp cho học sinh.

Tú tài C, D phổ thông, tổng hợp cho Ban Văn chương và Tú tài B phổ thông và tổng hợp cho Ban Khoa học. Đối với ngành Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhất, Đệ nhị cấp Cấp tốc, phải có Văn bằng Cử nhân Văn Khoa hoặc Khoa học hay ít nhất phải có 4 chứng chỉ Cử nhân Văn Khoa hay 5 chứng chỉ Cử nhân Khoa học (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 41).

Đối với ngành Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhất cấp, Đệ nhị cấp, số tuổi ấn định từ 17 đến 30 tuổi. Đối với ngành Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhị cấp Cấp tốc, số tuổi ấn định từ 20 đến 30 tuổi. Nam sinh phải hợp lệ tình trạng quân dịch (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 42).

Để trở thành giáo sinh chính thức, thí sinh phải trải qua hai kỳ thi rất cam go là kỳ thi vào năm dự bị sư phạm và kỳ thi vào năm nhất đại học sư phạm.

Kỳ thi vào Dự bị đại học sư phạm, thí sinh phải trải qua 2 phần: thi viết và vấn đáp. Đặc biệt, kỳ thi vấn đáp nhằm kiểm tra thí sinh có đủ tư cách (dáng điệu, ngôn ngữ) để thành một nhà giáo hay không (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 43).

Muốn dự thi vào Năm nhất ngành Huấn luyện Giáo sư trung học Đệ nhất cấp và Đệ nhị cấp, thí sinh phải có chứng chỉ Dự bị Văn khoa cho các ban Văn chương, Sinh ngữ hay Dự bị Khoa học cho các ban Khoa học.

Năm học 1973-1974, có 2.931 thí sinh dự kỳ thi tuyển vào năm dự bị ngành đào tạo giáo sư trung học Đệ nhị cấp tại Đại học Sư phạm Sài Gòn, thì chỉ có 7% trúng tuyển. Số này học qua 1 năm dự bị, lại dự kỳ thi tuyển vào năm nhất để chính thức trở thành giáo sinh với tỷ lệ đỗ là 22%. Như vậy, chỉ tối đa 1,5% thí sinh trở thành giáo sinh sau hai kỳ tuyển lựa (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 61-62). Ngoài ra, kỳ thi vào năm nhất rất căng thẳng vì các sinh viên dự bị sư phạm bị cạnh tranh gay gắt với số sinh viên dự bị tại tất cả các phân khoa của Viện Đại học Sài Gòn do điều kiện đầu vào thí sinh thi tuyển là có bằng Dự bị Văn khoa đối với Ban Văn chương, Sinh ngữ và bằng Dự bị Khoa học đối với ban Khoa học (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 41-42). Việc tuyển chọn khắt khe giúp trường đại học sư phạm có được những học sinh xuất sắc nhất của bậc trung học.

3.3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo giáo sư trung học Đệ nhất cấp là 2 năm, của giáo sư trung học Đệ nhị cấp là 4 năm, với quy chế học tập và thi cử rất khắt khe. Quy trình đào tạo giáo chức khắt khe, nghiêm ngặt là một ưu điểm nổi trội của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn. Nhờ đầu vào chất lượng cao, trường dễ dàng hơn trong việc áp dụng một chương trình đào tạo nghiêm ngặt với sản phẩm là các giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi, có đạo đức, tác phong của nhà giáo.

Giáo sinh phải đảm bảo hai phần nội dung quan trọng là phần chuyên môn và phần chuyên nghiệp. Giáo sinh ban Khoa học được gửi sang học phần chuyên môn tại Trường Đại học Khoa học, nghĩa là khi ra trường ngoài bằng Sư phạm, giáo sinh còn có cả chuyên môn Khoa học nữa. Đối với ban Văn chương, giáo sinh học chuyên môn tại trường, do các giáo sư Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn giảng dạy và cuối năm thi hết các học trình, chứ không thi lấy chứng chỉ. Phần chuyên nghiệp gồm các môn: Lịch sử giáo dục Việt Nam và Đông phương, Tâm lý giáo dục, Giáo dục hướng dẫn, Giáo dục đối chiếu, Quản trị học đường, Cách thức dạy các môn học (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 45).

Ngoài 30 giờ lý thuyết mỗi tuần, giáo sinh được gửi đi thực tập tại các trường trung học công lập tại Sài Gòn, Gia Định và Biên Hòa. Số giờ thực tập trung bình 6 giờ/ tuần (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 46-47). Giáo sinh không được phép vắng mặt tại bất cứ buổi thực tập nào, trừ trường hợp bất khả kháng (ốm đau, tai nạn). Nếu vắng mặt, giáo sinh phải thu xếp dạy bù vào buổi khác (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 47).

Việc đào tạo giáo viên “phải bảo đảm tối đa cung cấp cho xã hội những giáo chức có đức tính luân lý, trí thức, và các điều kiện thể chất cần thiết cho công tác giáo dục” (Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên, 1974). Năm 1965, Bộ Văn hóa Giáo dục ban hành Nội quy các

trường sư phạm. Theo đó, sinh hoạt học đường của giáo sinh được kiểm soát chặt chẽ để rèn luyện tư cách nhà giáo (Bộ Văn hóa Giáo dục, 1965).

Để đến được với kì thi tốt nghiệp, giáo sinh phải đỗ hai kỳ thi là đệ nhất bán niên và đệ nhị bán niên. Các môn thi đều có cùng hệ số để giáo sinh không có khuynh hướng quá coi trọng hay coi thường môn nào. Vị thứ tất cả các năm sẽ quyết định thứ hạng tốt nghiệp của giáo sinh. Sau khi đỗ kỳ thi tốt nghiệp, giáo sinh sẽ được cấp chứng chỉ tốt nghiệp đại học sư phạm (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 49).

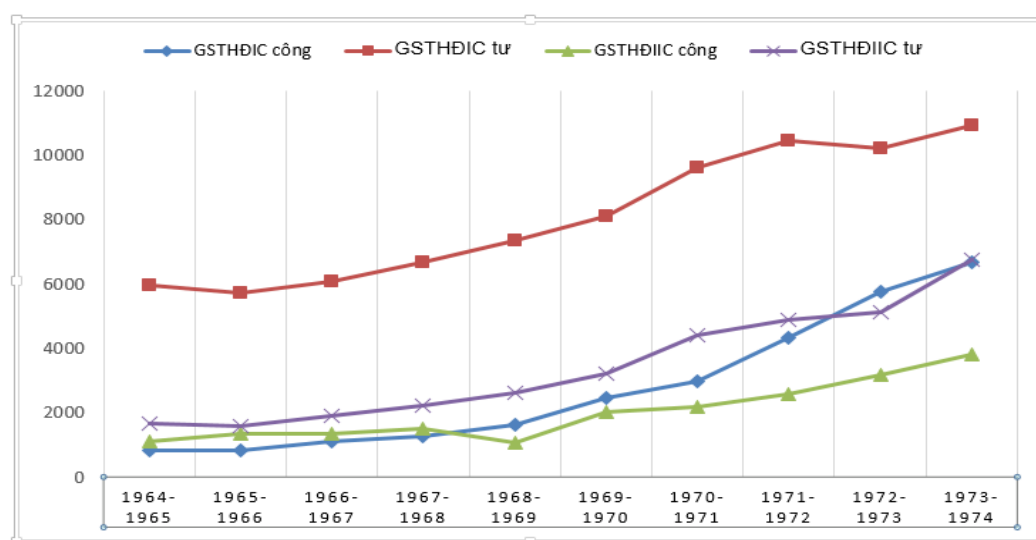
Trong quá trình học, giáo sinh được miễn học phí và nhận học bổng khá cao. Đối với giáo sinh ngành trung học đệ nhị cấp được 3.000đ/tháng và giáo sinh ngành trung học đệ nhất cấp được 1.800đ/tháng. Giáo sinh phải cam kết làm việc cho chính phủ 10 năm, nếu không phải bồi hoàn học bổng. Các trường hợp phải bồi hoàn là: tự ý bỏ học; bị sa thải vì lý do kỷ luật; không chịu bổ dụng vào ngành giáo sư trung học khi tốt nghiệp (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 52).

Khi tốt nghiệp, giáo sinh được chọn nhiệm sở căn cứ vào kết quả xếp hạng tốt nghiệp. Người đầu hạng cao sẽ được ưu tiên chọn nhiệm sở trước. Khi chọn được nhiệm sở, trường sẽ cấp cho giáo sinh tốt nghiệp một Sự vụ lệnh để đến trường đã chọn trình diện Hiệu trưởng nhận việc và được tính lương từ ngày hôm đó (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 50).

3.4. Kết quả

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn với tư cách là trường đào tạo phần lớn giáo viên trung học miền Nam, đã đáp ứng nhu cầu giáo viên trung học cả số lượng và chất lượng, khắc phục đáng kể tình trạng thiếu giáo viên trung học. Năm học 1970-1971, số giáo viên gấp khoảng 7 lần năm học 1957-1958 (21.296 so với 3.247 người) (thống kê Bộ Kinh tế Quốc gia, 1960: 126-127, 130-133, 146-149; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1962: 108-109, 112-115, 128-131; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1965: 80-81, 84-87, 88-89; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1967: 135-136, 140-142; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1969: 152-153, 156-157, 163-165; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1970: 128-129, 135-137; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1971: 112-113, 119-121; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1972: 70-71, 77-79).

Hình 1. Tăng trưởng giáo viên trung học công lập và tư thực miền Nam Việt Nam (1964-1974) (người)



Nguồn: Thống kê số liệu từ Nha Trung Tiểu học. (1975). Số nhân viên giảng huấn công lập toàn quốc. Nhân viên giáo huấn trung học bán công - tư thực toàn quốc. Phòng Nha Trung Tiểu học. Hồ sơ 44. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Chú thích:

GSTHĐIC công: Giáo sư trung học đệ nhất cấp công.

GSTHĐIC tư: Giáo sư trung học đệ nhất cấp tư.

GSTHĐIIC công: Giáo sư trung học đệ nhị cấp công.

GSTHĐIIC tư: Giáo sư trung học đệ nhị cấp tư.

Sau khi loại bỏ hầu hết các thí sinh chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng trong hai kỳ thi đầu vào khó khăn, đi vào quy trình đào tạo chặt chẽ, tỷ lệ tốt nghiệp của giáo sinh luôn cao nhất trong các trường thuộc Viện Đại học Sài Gòn nói riêng và các trường đại học miền Nam nói chung. Kết quả đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đã tỏ rõ năng lực quản lý của trường. Trước hết, kết quả này đến từ việc chuẩn hóa quy trình đào tạo thành một vòng tròn khép kín, từ tuyển sinh, đào tạo lẫn tuyển dụng. Thứ hai, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đã đưa ra và tuân thủ một tiêu chí rất cao đối với sản phẩm đào tạo: các nhà giáo đảm bảo cả năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp. Đào tạo hiệu quả giúp hạn chế tối đa thất thoát nguồn lực và ngân sách. Các giáo sinh tốt nghiệp hằng năm được phân bổ kịp thời tới các trường trung học công lập, đảm bảo cống hiến cho nhiệm sở tối thiểu 10 năm. Thời kỳ này, dù ngân sách giáo dục rất ít ỏi so, chỉ 4-8% (Bộ Kinh tế Quốc gia, 1957: 244; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1958: 66; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1959: 66; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1960: 114; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1962: 94; Bộ Kinh tế Quốc gia, 1967: 260-261; Nha Sư tâm và Nghiên cứu, 1975) nhưng tỷ lệ thất thoát rất lớn vì chưa đến 10% sinh viên lấy được bằng cử nhân, trong khi tỷ lệ tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn là trên 80% (Trần Quang Đệ, 1968).

Chế độ phân bổ nhiệm sở căn cứ vào kết quả tốt nghiệp đã tạo động lực rất lớn cho giáo sinh phấn đấu và hạn chế những tiêu cực cho trường trung học ngay từ khâu tuyển dụng nhân sự. Hơn nữa, đào tạo và tuyển dụng công bằng khiến tấm bằng sư phạm rất danh giá, từ đó đảm bảo được vị thế và uy tín của nhà giáo trên giảng đường và ngoài xã hội ngay khi họ bắt đầu sự nghiệp giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh cải cách giáo dục toàn diện và giáo viên đóng vai trò trung tâm.

Kết quả đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn vượt ra ngoài phạm vi của nó, ảnh hưởng đến khuynh hướng của cả nền giáo dục. Đội ngũ giáo viên trung học trở thành động lực cho quá trình hiện đại hóa và quốc tế hóa nhờ năng lực hội nhập quốc tế mạnh mẽ. Các giáo sư trung học đều có thể sử dụng hai ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Pháp. Do đó, giáo viên tự tin và nhanh nhạy trong tiếp thu tri thức mới, dễ dàng tham gia các khóa huấn luyện quốc tế ở trong nước hay tu nghiệp ở nước ngoài. Một ví dụ là, dù không được chính thức công nhận, nhưng tấm bằng tú tài của các ứng viên du học sinh miền Nam có thể dễ dàng được các quốc gia phương Tây chấp nhận. Hơn nữa, các giáo sư ban Văn chương còn thông thạo Hán ngữ nên cũng có khả năng duy trì kết nối với nền giáo dục truyền thống của dân tộc tạo nên tính kế thừa của nền giáo dục hiện đại. Với vốn tri thức phong phú, hiện đại và tư duy năng động, các giáo viên tham gia sôi nổi vào các hoạt động văn hóa, xã hội. Từ đó vị thế của người thầy giáo càng được nâng cao, đủ năng lực đứng ở vị trí trung tâm của cải cách giáo dục.

4. Đại học Sư phạm Sài Gòn với công cuộc cải tổ giáo dục

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn ảnh hưởng lớn đến cuộc cải cách giáo dục toàn diện, chuyển đổi từ mô hình Pháp sang mô hình Hoa Kỳ.

Cải cách trung học bắt đầu từ trường trung học tổng hợp. Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đào tạo nguồn nhân lực giảng dạy trung học tổng hợp. Hầu hết giáo viên dạy chương trình mới của Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức và các trường trung học tổng hợp miền Nam đều được đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn. Trường Kiểu mẫu Thủ Đức, nơi thực tập của giáo sinh chính là trung tâm đầu tiên của mô hình trung học tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng giáo viên trung học tổng hợp được đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn rất ít ỏi. Năm 1962, trụ sở mới của Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức và Trường Đại học Sư phạm

Sài Gòn được xây dựng tại Thủ Đức, với kinh phí hơn 50 triệu đồng, do cơ quan USAID Education tài trợ. Diện tích xây cất lên đến 5.000 m². Trường gồm 1 đại giảng đường với 1.200 chỗ, một khu văn phòng và hai dãy lầu với 30 phòng học, 6 phòng thí nghiệm, 1 thư viện, 1 xưởng Công Kỹ nghệ, 3 phòng Doanh thương, 8 phòng Kinh tế gia đình (Cựu giáo chức và học sinh Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức, 2015: 13). Sự đầu tư đáng kể này cho thấy Hoa Kỳ có ý định biến Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn thành một trung tâm cải cách giáo dục theo mô hình Hoa Kỳ bởi vị trí trọng yếu của nó trong hệ thống trường sư phạm miền Nam. Tuy nhiên, cho đến năm 1975, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn vẫn tọa lạc tại trụ sở cũ, 280 đường Cộng Hòa, quận 5, Sài Gòn, trong không gian chung của các trường đại học thành viên của Viện Đại học Sài Gòn với rất ít sự thay đổi về cơ chế quản lý, chương trình và phương pháp giảng dạy cùng đội ngũ giáo viên chịu ảnh hưởng giáo dục đại học Pháp. Sự chuyển dịch chậm chạp sang khuynh hướng giáo dục mới của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn là một nguyên nhân khiến cho bậc trung học chuyển đổi chậm hơn so với bậc tiểu học và đại học.

Để thúc đẩy cải cách giáo dục, hằng năm, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn tổ chức các khóa tu nghiệp hiệu trưởng các trường trung học tổng hợp, để hướng dẫn và bổ túc các phương pháp giáo dục mới. Các khóa tu nghiệp do các giáo sư chủ chốt của Viện Đại học Sài Gòn điều hành và giảng dạy như GS. Lê Thành Việt, GS. Nguyễn Văn Trường, GS. Phạm Văn Quảng, GS. Huỳnh Văn Nhi... (Viện Đại học Sài Gòn - Đại học Sư phạm, 1970: 1). Riêng năm 1972, “có 200 giáo sư trung học được đề cử làm dự tập viên cho 3 khóa Quản trị Học đường tổ chức tại Sài Gòn và 112 người khác được đề cử làm ứng viên xuất ngoại tu nghiệp. Ngoài ra còn có một số lớn giáo sư trung học khác được đề cử tham dự các lớp Huấn luyện Giáo sư Hướng dẫn Khái đạo, Doanh thương, Kinh tế gia đình, Công kỹ nghệ và Thư viện” (Nguyễn Thanh Liêm, 1972). Tuy nhiên, kỳ vọng “tổng hợp hóa” nền trung học miền Nam đã không thể thực hiện được. Đến năm 1975, miền Nam chỉ có 11 trường trung học tổng hợp với phạm vi ảnh hưởng nhỏ bé (Dương Thị Hòe, 1972: 16-17). Nền giáo dục trung học theo mô hình Hoa Kỳ chưa được phổ biến. Trung học vẫn chịu ảnh hưởng của mô hình giáo dục tinh hoa Pháp. Trường Pháp vẫn là nơi thu hút con em các gia đình quan chức, giới thượng lưu tham gia học tập với chất lượng giáo dục cao.

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đào tạo Giáo sư Trung học Đệ nhất cấp, Đệ nhị cấp với truyền thống sư phạm từ thời Pháp để tạo nên một tầng lớp giáo chức tinh hoa. Việc phân lớn giáo viên trung học được đào tạo từ thời Pháp thuộc hoặc Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn với quan điểm, phương pháp giáo dục, tư duy quản lý, tổ chức trường lớp của mô hình giáo dục Pháp đã ảnh hưởng lớn đến chiều hướng phát triển của bậc trung học, làm cho nó vận động một cách quy củ với nhiều bảo thủ. Ảnh hưởng của nền văn hóa - giáo dục Pháp sâu đậm trong đội ngũ nhà giáo khiến nền trung học hiện lên như một mảng đặc sắc trong bức tranh giáo dục miền Nam.

5. Vài tham chiếu từ hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại miền Nam Việt Nam (1954-1975)

Hoạt động đào tạo giáo viên trung học tại miền Nam (1954-1975) có thể là một tham chiếu cho đào tạo giáo viên trung học của Việt Nam hiện nay.

Trước hết, là sự tham chiếu các kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo viên trung học thông qua đầu tư nâng cấp vị thế và chất lượng của các trường đại học sư phạm. Tuyền dụng và đào tạo là một quy trình khép kín, chặt chẽ, coi trọng và lấy kết quả đào tạo tại trường đại học sư phạm làm căn cứ tuyển dụng và sắp xếp nhân sự.

Thứ hai, chúng ta cần nhìn rõ điều gì quyết định chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn để làm gợi ý cho việc tìm ra mấu chốt của vấn đề đào tạo giáo viên hiện nay. Có 5 yếu tố tạo nên chất lượng đào tạo của Trường. 1/ đầu vào chất lượng cao. Trường đại học sư phạm đã tuyển sinh được những học sinh xuất sắc nhất của trường trung học. 2/ liên kết đào tạo trong khuôn khổ viện đại học quốc gia tận dụng tối đa hỗ trợ về học thuật và

môi trường đào tạo đa ngành đa lĩnh vực. 3/ quy trình đào tạo khắt khe, nghiêm ngặt. Việc đào tạo không chỉ chú trọng vào năng lực chuyên môn khoa học, nghiệp vụ sư phạm mà còn rèn giữa tác phong, tư cách của người thầy. Điều này đảm bảo cho các giáo sư trung học có đầy đủ phẩm chất để đứng vào hàng trí thức tinh hoa trong xã hội và thụ hưởng đời sống tinh thần của tầng lớp trung lưu. 4/ thu hút nhân tài, thúc đẩy nỗ lực học tập của giáo sinh nhờ đãi ngộ ưu ái. Trở thành giáo sinh là mở được cánh cửa đến một tương lai hứa hẹn với nghề nghiệp ổn định, thu nhập cao và có vị trí xã hội. Điều này thể hiện rõ nét ở chế độ học bổng cho giáo sinh và lương bổng cho nhà giáo. Giáo sư trung học được đãi ngộ có phần còn ưu ái hơn cả lực lượng quân đội trong hoàn cảnh đất nước đang chiến tranh. Giáo sư trung học đệ nhị cấp thượng hạng sau 9 năm được hưởng lương căn bản là 45.170đ tương đương với lương một Thiếu tướng phục vụ quân đội 18 năm (Phủ Thủ tướng, 1968; Phủ Thủ tướng, 1974a; Phủ Thủ tướng, 1974b). Ngoài lương cơ bản, giáo sư trung học còn được hưởng nhiều loại phụ cấp (Phủ Thủ tướng, 1969), nên số lương bổng thực lĩnh gấp khoảng gần 3 lần lương căn bản. 5/ ngành đào tạo được cam kết. Trở thành giáo sinh thì được nhận học bổng đủ chi trả cho cuộc sống. Tốt nghiệp sư phạm được phân nhiệm sở theo thứ hạng căn cứ vào kết quả học tập. Giáo sinh tốt nghiệp thứ hạng cao được chọn nhiệm sở. Ngoài ra, giáo sinh để nhận được những quyền lợi này phải cam kết làm việc cho nhà nước tối thiểu 10 năm theo sự phân công. Nếu từ bỏ nhiệm sở sẽ phải bồi hoàn học bổng. Giáo sinh trong quá trình học nếu tự ý bỏ học hoặc vi phạm kỷ luật cũng phải bồi hoàn học bổng (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974: 52).

6. Kết luận

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đóng vai trò quan trọng trong nền giáo dục vì đảm nhận sứ mệnh đào tạo phần lớn giáo viên trung học ở miền Nam thời kỳ này. Đây là trường có truyền thống sư phạm từ thời Pháp thuộc. Dấu ấn Pháp sâu đậm và ảnh hưởng rất lớn đến nội dung và phương pháp đào tạo của trường. Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn cũng như hệ thống các trường đại học sư phạm tại miền Nam thời kỳ này đều kiên trì quan điểm đào tạo một đội ngũ giáo viên tinh hoa. Nhờ đội ngũ giáo viên này, trung học miền Nam duy trì được chất lượng đào tạo cao và tạo ra được những người trưởng thành hữu dụng cho xã hội, không chỉ cung cấp được nguồn nhân lực phổ thông mà còn góp phần vào lực lượng lao động chuyên môn của xã hội. Đội ngũ giáo viên đảm bảo chất lượng và phẩm chất nhà giáo này đã giúp trung học trở thành một cán cân giữ nền giáo dục ổn định tương đối trong những biến động của thời cuộc với những kế hoạch cải tổ liên tiếp không có hiệu quả đáng kể. Tuy nhiên, trường hợp Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn cũng cho thấy ảnh hưởng rất lớn của hệ thống trường đào tạo giáo viên đối với sự chuyển đổi của một nền giáo dục.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục. (1973). Nghị định số 600/GD/KHPC/HV/NĐ ngày 8 tháng 3 năm 1973 thiết lập ngành Huấn luyện Cấp tốc Giáo sư Trung học Đệ II cấp tại Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn kể từ niên khóa 1972-73. Nha Sư phạm. Hồ sơ 637. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1957). *Việt Nam niên giám thống kê (1954-1955)*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1958). *Việt Nam niên giám thống kê 1956*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1959). *Việt Nam niên giám thống kê 1957*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1960). *Việt Nam Niên giám thống kê 1958-1959*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1962). *Việt Nam Niên giám thống kê 1960-1961*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1965). *Việt Nam Niên giám thống kê 1963*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1967). *Việt Nam Niên giám thống kê 1966-1967*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

Bộ Kinh tế Quốc gia. (1969). *Việt Nam Niên giám thống kê 1969*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.

- Bộ Kinh tế Quốc gia. (1970). *Việt Nam Niên giám thống kê 1970*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.
- Bộ Kinh tế Quốc gia. (1971). *Việt Nam Niên giám thống kê 1971*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.
- Bộ Kinh tế Quốc gia. (1972). *Việt Nam Niên giám thống kê 1972*. Viện Quốc gia Thống kê. Sài Gòn.
- Bộ Văn hóa Giáo dục. (1965). *Nội quy các Trường Sư phạm thi hành từ ngày 16-1-1965. Phòng Nha Sư phạm*. Hồ sơ 627. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên. (1974). Dự thảo Luật căn bản về Văn hóa Giáo dục 1974. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ 31335. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Cựu giáo chức và học sinh Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức. (2015). *Giai phẩm Kỷ niệm 50 năm tình thân Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức 1965-2015*. Lưu hành nội bộ.
- Mai Tâm. (1969). *Thử tìm một hướng đi cho ngành giáo dục tư thục Việt Nam*. Thuyết trình tại Hội thảo Hiệu trưởng tư thục toàn quốc 1969. Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Hồ sơ 01. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Ngô Minh Oanh (chủ biên) - Hồ Sỹ Anh - Nguyễn Ngọc Tài - Nguyễn Thị Phú. (2018). *Giáo dục phổ thông miền Nam (1954-1975)*. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyen Kim Dung - Tran Ngoc Dung. (2021). Training and using 1st and 2nd governmental teacher in Southern Vietnam (1954-1975). *Conference Proceedings The 2nd International Conference on Innovation the Social Sciences and Humanities 2021*. Ton Duc Thang University. 12/2021. pp.345-350. ISBN 978-0-9945391-6-8 Australian ISBN Agency.
- Nguyễn Lưu Viên. (1969). Phó Thủ tướng Nguyễn Lưu Viên nói về kỳ thi Tú tài 1 năm nay và vấn đề du học. *Việt Nam thông tấn xã*. Số 6764. Sáng thứ Sáu 19-9-1969. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ 3562. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Nguyễn Thanh Liêm. Phụ tá đặc biệt Tổng trưởng Giáo dục đặc trách Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục. (1972). *Hoạt động của khối Trung Tiểu học trong năm 1972 và dự án thực hiện trong năm 1973*. Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhị Cộng hòa. Hồ sơ 3730. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Nguyễn Thụy Phương. (2022). *Trường Pháp ở Việt Nam 1945-1975: từ sứ mạng khai hóa đến ngoại giao văn hóa*. Nxb. Hà Nội.
- Nha Sư phạm và Nghiên cứu. (1975). *Nghiên cứu thực trạng đại học Việt Nam 1974-1975*. Phòng Nha Sư phạm và Nghiên cứu. Hồ sơ 111. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Nha Trung Tiểu học. (1975). Trung học công lập toàn quốc. Trung học bán công - tư thục toàn quốc. Phòng Nha Trung Tiểu học. Hồ sơ 44. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ. (1974). *Chỉ nam Giáo dục Cao đẳng Việt Nam 1974*.
- Phủ Thủ tướng. (1968). Sắc lệnh số 173-SL/GD/TN ngày 24-12-1968 sửa đổi điều 5 và 6 Sắc lệnh số 28-GD ngày 2-12-1955 ấn định quy chế riêng ngạch giáo sư trung học đệ nhị cấp. Phòng Nha Trung Tiểu học. Hồ sơ 70. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II;
- Phủ Thủ tướng. (1969). Phụ bản số 9 kèm Sắc lệnh số 042-SL/Th.T/CV của Thủ tướng Chánh phủ ngày 27 tháng 3 năm 1969. Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Hồ sơ 263. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Phủ Thủ tướng. (1974a). Sắc lệnh số 153-SL/Th.T/PC2, Phụ lục đính kèm “Bảng thang lương căn bản của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ/Quân lực Việt Nam Cộng hòa thuộc chủ lực quân và địa phương quân (Bậc lương tính theo thâm niên quân vụ sau 2 năm được thăng một bậc lương)” ngày 6-7-1974. Phòng Nha Sư phạm. Hồ sơ 59. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II;
- Phủ Thủ tướng. (1974b). *Lương bổng mới áp dụng từ 1-6-1974*. Phòng Nha Sư phạm. Hồ sơ 59. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Trần Quang Đệ. (1968). Phúc trình của Viện trưởng Đại học Sài Gòn” gửi Thủ tướng Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa, Tổng trưởng Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ 31355. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Trần Văn Tấn, Phó Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn. (1970). *Vài nét về sự tiến triển của Viện Đại học Sài Gòn. Phòng Phủ Thủ tướng*. Hồ sơ 31355. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Viện Đại học Sài Gòn - Đại học Sư phạm. (1970). Tu nghiệp Hiệu trưởng trung học về giáo dục tổng hợp, Tuần lễ 16-11 đến 20-11-1970 tại Đại học Sư phạm Sài Gòn.
- Viện Đại học Sài Gòn. (1969). *Chỉ nam sinh viên 1969-1970*. Tòa Viện trưởng Sài Gòn xuất bản.
- Viện Đại học Sài Gòn. (1970). *Chỉ nam sinh viên Viện Đại học Sài Gòn 1970*.